

Các l c l  ng n  c ngo i tham d  chi n tranh 1960-1975

Tác Giả: Tr n Gia Ph ng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Ngày tr  c khi ký hi p đ nh Gen ve (20-7-1954), đ ng Lao Đ ng (LĐ) đ  ch  tr  ng ti p t c chi n tranh đ  b nh tr  ng th  l c.

V  ch  tr  ng n y, đ ng LĐ và Vi t Nam Dân Ch  C ng H a (VNDCCH) hay B c Vi t Nam đ  c u vi n Trung Qu c, Li n X  và c c n  c c ng s n kh c, nh m b o v  h u c  B c Vi t Nam và cung c p v  kh  t i t n đ  B c Vi t Nam t n c ng Vi t Nam C ng H a (VNCH) hay Nam Vi t Nam.   th  y u và đ  t  b o v , Nam Vi t Nam đ nh ph i nh  Hoa K  và c c n  c đ ng minh gi p đ  nh m ch ng l i cu c x m l ng c a B c Vi t Nam. Đ  l  lý do   c  hai ph a s  hi n di n c a qu n đ i n  c ngo i t i Vi t Nam.

1.- L c l  ng Hoa K 

Ngày 4-2-1950, Hoa K  th a nh n Qu c Gia Vi t Nam do qu c tr  ng B o Đ i đ ng đ u. Military Assistance and Advisory Group-Indochina (MAAG-I) t c Đ n C  v n Vi n tr  Qu n s  M  ch nh th c th nh l p ng y 17-9-1950, nh m m c đ ch c  v n và hu n luy n qu n đ i Vi t Mi n L o.

Trong chi n tranh l nh sau th  chi n th  hai,(1) tr  c s  b nh tr  ng c a c ng s n, đ i di n ba n  c Australia, New Zealand, United States of America h p t i San Francisco (Hoa K ) ng y 1-9-1951, ký hi p   c th nh l p kh i qu n s  ANZUS, nh m h p t c phòng th  n u x y ra c c cu c t n c ng tr n Th i B nh Đ  ng đ  c xem l  nh  h  ng đ n h a b nh và an ninh c a m i n  c và c c n  c kh c trong khu v c. Kh i ANZUS kh ng l p l c l  ng ri ng, ch  h p h ng n m c p b  tr  ng ngo i giao đ  duy t x t t nh h nh và h p b t th  ng khi m t trong ba n  c th nh vi n y u c u v  an ninh b  đ a.

Sau hi p đ nh Gen ve (20-7-1954), lo ng i s  b nh tr  ng c a c ng s n t i v ng Đ ng Nam  , Hoa K  v n đ ng ký k t Hi p   c H  t  ng Phòng th  Đ ng Nam   (Southeast Asia Collective Defence Treaty) t i Manila, th  đ  Phi Lu t T n, ng y 8-9-1954. T  đ  ra đ i T  ch c Li n phòng Đ ng Nam   (Southeast Asia Treaty Organization vi t t t l  SEATO), g m c c n  c (theo th  t  ABC) Australia ( c), France (Ph p), New Zealand (T n T y Lan) Pakistan (H i Qu c), Philippines (Phi Lu t T n), Thailand (Th i Lan), United Kingdom (Anh), và United States of America (Hoa K ).

Các lực lượng ngoại tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Trong phạm vi biên giới phía tây, ba nước Campuchia (Cao Miên), Laos (Lào) và Việt Nam được liệt kê trong vùng lãnh thổ được bảo vệ. Hoa Kỳ đưa vào văn bản hiệp ước này để minh chứng sự ủng hộ của họ đối với các chế độ chính quyền ở Đông Nam Á.



Quân đội Mỹ trên chiến trường VN. Ảnh photo.com

Sau khi Pháp rút lui, Hoa Kỳ thiết lập đoàn MAAG-Việt Nam tháng 10-1955, để trợ cấp tài chính và huấn luyện quân đội Việt Nam, nhằm xây dựng cho miền Nam Việt Nam một đội quân có thể bảo vệ an ninh lãnh thổ. Theo đà phát triển của quân đội VNCH, đoàn MAAG-Việt Nam được chuyển thành Military Assistance Command, Vietnam (MACV) từ Bộ Tổng Lãnh Quân viễn Việt Nam ngày 8-2-1962. Nhân số MACV lúc đó khoảng 3,000 người.

Bộ Tổng Lãnh Quân viễn Việt Nam (MACV) là bộ chỉ huy liên quân Mỹ tại Việt Nam, nằm dưới sự chỉ huy của Pacific Command (PACCOM) từ Bộ Tổng Lãnh Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương. Dưới quy định MACV là tập thể các lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam, gồm có: Bộ chỉ huy Lục quân (United States Army Vietnam – USARV), Bộ Tổng Lãnh Hải quân (Naval Forces Vietnam – NAVFORV), Không lực 7 (Seventh Air Force – 7AF), Lực lượng Thảm y bộ số 3 (III Marine Amphibious Force – IIIMAF), Lực lượng Dẫn chiến số 1 (I Field Force, Vietnam – I FFV), Lực lượng Dẫn chiến số 2 (II Field Force, Vietnam – II FFV), Quân đoàn 24 (XXIV Corps), Lực lượng Địch biệt số 5 (5th. Special Forces Group), Cơ quan Điều phối Dân sự và Phát triển Nông thôn (Civil Operations and Rural Development Support – CORDS), Nhóm Nghiên cứu và Quan sát (Studies and Observations Group – SOG).(2)

Các T l nh MACV là đ i t ng Paul D. Harkins (t tháng 2-1962), William C. Westmoreland (t tháng 6-1964), Creighton W. Abrams (t tháng 7-1968) và Frederick C. Weyand (t tháng 6-1972). Vai trò c a MACV càng ngày càng quan tr ng khi Hoa K tung quân vào Vi t Nam t năm 1965.

Tháng 8-1964 xảy ra bi n c V nh B c Vi t. Nguyên vào ngày 2-8-1964, khu tr c h m Maddox (Hoa K) đang tu n tra trong h i ph n qu c t trong v nh B c Vi t ngo ài kh i Thanh Hóa, thì b ba ng l o ãnh B c Vi t t n công. Theo các tài li u cũ c a Hoa K , hai ngày sau, chi u t i 4-8-1964 hai chi n h m Maddox và Turney Joy b t n công l n n a, trong khi thi hành nhi m v trong h i ph n qu c t . Tuy nhiên, ngày nay, nhi u tài li u cho th y l n t n công th hai vào t i 4-8-1964 không có th t. (Đ C m, <<http://www.vietnamnavy.com/vbviet1.html> >) Ngày 7-8, theo yêu c u c a t ng th ng Hoa K , Qu c h i Hoa K cho phép ông đ c s đ ng m i bi n pháp c n thi t đ đánh tr , nghĩa là cho phép ông có th đ a quân qua Vi t Nam và m r ng chi n tranh.

Trong th i gian th t ng Phan Huy Quát c m quy n (t 16-2-1965 đ n 19-6-1965), nh ng báo cáo c a các gi i ch c Hoa K cho th y tình hình quân s VNCH càng ngày càng bi đát, nh t là báo cáo ngày 24-2-1965 c a C quan Trung t ng tình báo (CIA), báo cáo vào đ u tháng 3 c a t ng Westmoreland và báo cáo c a c v n McGeorge Bundy sau khi t Vi t Nam tr v .(3) Bundy đ ngh th c hi n ngay k ho ch “tr ãa liên t c” ch ng l i m i n B c. T ng th ng Johnson li n quy t đ nh m chi n đ ch oanh t c th ng xuyên B c Vi t, đ t tên là Rolling Thunder, chính th c b t đ u vào ngày 2-3-1965.

Do ho t đ ng c a không quân Hoa K càng ngày càng gia tăng, phi tr ng Đà N ng đ c dùng làm n i xu t phát các ph n l c c bay đi oanh t c B c Vi t. Ngày 22-2-1965, t ng Westmoreland, t l nh MACV, yêu c u t ng th ng Johnson cho đ b hai ti u đoàn Th y quân l c chi n (TQLC) Hoa K , nh m b o v căn c Đà N ng. Johnson đ ng ý đ ngh n y v i đi u ki n ph i có s ng thu n c a chính ph Vi t Nam.

Đ c l nh c a b Ngo i giao Hoa K , ngày 1-3-1965, đ i s Taylor và phó đ i s Alexis Johnson g p th t ng Phan Huy Quát, đ a đ ngh v vi c Hoa K g i hai ti u đoàn TQLC đ n Đà N ng. Th t ng Quát ch p thu n. Ngày hôm sau, 2-3-1965, t ng Westmoreland g p và thông báo cho các t ng Nguy n Văn Thi u, t ng tr ng Quân l c và Tr n Văn Minh, t ng t l nh quân đ i. Ng i M c n ra Đà N ng, g p thi u t ng Nguy n Chánh Thi, t l nh Quân đoàn I đ th o lu n k ho ch đ b . C n nh n m nh là quy t đ nh t i quan tr ng n y ch đ c th a thu n b ng l i ch không b ng văn b n, gi a các gi i ch c Hoa K v i th t ng Phan Huy Quát và m t s t ng lãnh Vi t Nam ch , không có ý ki n c a H i đ ng chính ph hay c a HĐQL.

Các lực lượng nước ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Cuái cùng, ngày 8-3-1965, tiáu đoàn 9 TQLC Hoa Ká là đán vá chián đáu Má đáu tiên đá bá vào bãi bián Nam Ô, phía bác Đà Náng khoáng 10 cây sá. (4) Các đán vá còn lái đán Đà Náng báng không ván. Viác ngái Má bát đáu đá quân chián đáu vào Viát Nam là mát bián cá quan tráng, ánh háng đán toàn bá tình hình Viát Nam.

Quân sá Hoa Ká tái Viát Nam tá tháng 4-1965 là 32,000 ngái. Cuái năm 1965, sá quân náy tăng thành 186,000. Cuái năm 1966 là 376,800 quân. Cuái năm 1967 lái tăng náa: 486,000 quân. (5). Sau bián cá Máu Thân vào đáu năm 1968, quân sá Hoa Ká lên cao đám là 536,100 ngái. (6) Sau đó, tá giáa năm 1969, táng tháng Richard Nixon thay đái sách lác, rút quân đán đán theo ká hoách mà ngái Má gái là “Viát Nam hóa” và đá tính sá còn 405,000 vào 1972.

Sau hiáp đánh Paris (27-1-1973), toàn bá quân Má triát thoái khái Viát Nam, MACV bá giái thá ngày 29-3-1973. Cá quan Defense Attach Office (DAO) tác Phòng Tùáy vián Quân sá Hoa Ká đác thành láp do thiáu táng John Murray chá huy và trong năm sau (1974), thiáu táng Homer Smith thay thá, cho đán tháng 4-1975. Sá quân nhân Hoa Ká hy sinh tái chián tráng Viát Nam lên khoáng 58, 217 ngái và 19 dân sá; 153,452 bá tháng và 1,740 ngái mát tích. (7)

Cán chú ý, chính phá các nác trên thá giái đáu chá lo phác vá quyán lái nác há, nên khi quyát đánh giúp đá mát nác khác, cũng chá vì quyán lái gán hay xa cáa nác há. Ngái Hoa Ká rát thác đáng. Do đó, chính phá Hoa Ká quyát đánh can thiáp vào Viát Nam vì chián lác toàn cáu cáa Hoa Ká chá không phái chá vì giúp đá VNCH. Khi đán vì quyán lái, thì cũng vì quyán lái ngái Hoa Ká ra đái, sán sàng bá rái VNCH khi cán.

2.- Lực lượng các nước trong khái tá do tham chiến

Hoa Ká là thành vián cáa khái ANZUS và tá chác SEATO, nên Hoa Ká kêu gái, thúc đáy các nác đáng minh Đông Á giúp đá Viát Nam. Lúc đáu là nháng toán chuyên vián dân sá. Đán đán nhiáu nác gái quân chián đáu đán giúp VNCH.

Năm 1962, Australia (Úc) gái qua Viát Nam mát biát đái cá ván chián tranh ráng rám khoáng 30 ngái. Sá quân Úc tăng đán lên đán 7,672 năm 1969 và tá năm 1970 giám xuáng trá lái (6,763 quân). (8) Khi rút hát quân vá nác tháng 12-1972, Úc chá đá lái mát trung đái báo vá sá quán Úc tái Sài Gòn. Sá quân Úc tá trán tái Viát Nam là 521 ngái. (9)

Các lực lượng ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

New Zealand (Tân Tây Lan) gửi quân giúp Việt Nam từ tháng 6-1964 đến tháng 12-1972. Đầu tiên là một toán cơ với 30 người năm 1964 tăng dần theo từng năm. Số quân New Zealand cao nhất vào năm 1970 là 441 người.(10) Tổng số quân từ nước này ở Việt Nam là 36 người.(11)

Năm 1964, Republic of Korea (South Korea) tức Cộng Hòa Hàn Đái Hàn (hay Nam Hàn) gửi sang Việt Nam 200 quân, nhưng ngay từ năm sau (1965), quân Đái Hàn tăng lên 20,620 người, rồi lại tăng thành 45,566 quân năm 1966. Cao điểm vào năm 1969, quân Đái Hàn hiện diện ở Việt Nam là 48,869 người. Sau đó quân số giảm dần cho đến khi rút lui đầu năm 1973. Quân Đái Hàn đóng giữ các tuyến duyên hải từ Quảng Ngãi vào đến Bình Thuận. Các đơn vị nổi tiếng là Sư đoàn Mánh Há (bán doanh ở Bình Đánh), Lá đoàn Thủy quân Lực chiến Thanh Long (bán doanh ở Cam Ranh) và sư đoàn Bạch Mã (bán doanh ở Tuy Hòa). Số quân từ nước này khoảng 5,099, binh lính 11,232 và mặt tích 4.(12)

Ngày 29-9-1964, 16 quân nhân viên Không Lực Thái Lan đến Sài Gòn để giúp Không quân Việt Nam. Dần dần quân Thái Lan lên đến 6 tiểu đoàn với 11,586 quân năm 1970, đóng bán doanh trong vùng tuyến Biên Hòa. Thái Lan bắt đầu rút quân từ tháng 3-1971 và chấm dứt giữa năm 1972.(13a) Thái Lan mất 351 quân nhân và binh lính 1,358 người.

Nác Philippines gửi Đoàn Công tác Dân sự (Civic Action Group) qua giúp VNCH từ năm 1964. Cao điểm năm 1967, quân Philippines lên đến 534 người. Sau đó giảm xuống dần dần và chỉ còn 74 người năm 1970. Quân Philippines đảm trách các công tác dân sự như y tế, làm đường sá, xây cơ sở công, dựng nhà giúp dân tái định cư tại các tuyến Hòa Nghĩa, Bình Đáng và Tây Ninh.(13b) Số thiệt hại quân nhân Phi Luật Tân không đáng kể, 7 người chết, 2 người bị thương.

Ngoài ra, còn hai nước khác gửi chuyên viên kỹ thuật và y tế sang giúp VNCH là Trung Hoa Dân Quốc (Republic of China) và Tây Ban Nha (Spain). Trung Hoa Dân Quốc tức Đài Loan (Taiwan) gửi 20 người năm 1964 và 31 người năm 1970. Tây Ban Nha gửi 13 chuyên viên năm 1966 và chỉ còn 7 người năm 1970.(14)

Đến biên quân số đáng minh chứng (14)

QUáC GIA	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970
---------------	------	------	------	------	------	------	------

Các lực lượng nước ngoài tham dự chiến tranh 1960-1975

Tổng Giám đốc: Trần Gia Phụng

Thư Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Australia	200	1,557	4,525	6,818	7,661	7,672	6,763
New Zealand	30	119	155	534	516	552	441
Republic of Korea	200	20,620	45,566	47,829	50,003	48,869	48,537
Thái Lan	16	244	2,205	6,005	11,568	11,586	
Philippines	17	72	2,061	2,020	1,576	189	74
Republic of China	20	20	23	31	29	29	31
Tây Ban Nha	13	13	12	10	07		

3.-Lực lượng các nước Cộng sản tham chiến

Quân đội Hoa Kỳ và các nước đồng minh trong khối TĐ do Mỹ giúp VNCH (Nam Việt Nam) có tính cách công khai, nên chúng ta không ngạc nhiên vì Việt Nam bị tấn công, mà cũng không ngạc nhiên vì Mỹ và các nước đồng minh của họ đã giúp VNDCCH (Bắc Việt Nam) huy động sức bí mật và sức chiến đấu kín trong thời gian chiến tranh. Sau năm 1975, tin tức đã dần dần được tiết lộ.

Đầu tiên về chiến tranh, đầu tháng 7-1959 Hồ Chí Minh qua Moscow để gặp Liên Xô và Trung Quốc. Bắc Việt Nam trong cuộc chiến mà Đảng LĐ đang sắp sửa soạn tấn công miền Nam Việt Nam, nhờ Liên Xô khuyên Hồ Chí Minh nên tiếp tục tìm kiếm thế lực trong hòa bình.(15)

Vào lúc này, Nikita Khrushchev đang cầm quyền ở Liên Xô từ năm 1953. Năm 1956, trong Đại

Các lực lượng ngoại tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

hái đáng lán thá 20 đáng Cáng Sán Lián Xá (CSLX) tháng 2-1956, ông đáa ra chá tráng “chung sáng háa bánh” giáa các nác không cùng chá đá chính trá.

Mát thành táu quân sá quan tráng cáa LX đái thái Khrushchev là Lián Xá đã phóng thành công vát tinh Sputnik lên quá đáo ngày 4-10-1957, má đáu káng nguyên chinh phác không gian. Sau nháng cuác tháng láng kéo dài, ngày 5-8-1963, ngoái tráng Lián Xá (Andrei Gromyko), ngoái tráng Anh Quác (Alec Douglas Home) và ngoái tráng Hoa Ká (Dean Rusk) ký tháa hiáp giái hán thá nghiám bom nguyên tá trên khí quyán và ngoái bián khái, chá đác thá nghiám trên đát lián. Tháa hiáp náy chính thác có hiáu lác tá ngày 10-10-1963.

Khi Leonid Brezhnev lên làm thá ký thá nhát đáng CSLX thay Nikita Khrushchev vào tháng 10-1964, thì LX thay đái thái đá, vián trá và gái ngái sang giúp Bác Viát Nam. Quân đái Lián Xá đán Bác Viát khoáng 3,000 ngái, thuác Phòng Tùy viên Quân sá Tòa đái sá Lián Xá tái Hà Nái, đáu là nháng chuyên viên không quân, ká thuát phòng không và háa tián (Bác Viát gái là tên láa). Nhiám vác cáa chuyên viên LX là huán luyán láp ráp tái chá các loái máy bay chián đáu MIG-21 và SU, huán luyán phi công Bác Viát lái máy bay, láp ráp các bá phóng háa tián và đáu khián háa tián. Ngoài ra còn có mát sá chuyên gia vá hái quân và các binh cháng khác.

Khi phác vá tái Bác Viát, các quân nhân LX đáu dùng tháng phác, chá trong nháng buái lá mái dùng quân phác, sinh sáng táp trung nhiáu nhát tá trong mát sá khu vác & Hà Nái và & các phi tráng lán có trang bá háa tián phòng không tái Bác Viát.(16)

Nác cáng sán lán thá hai đáa quân vào Bác Viát Nam là Trung Quác (TQ). Bác Viát Nam nám sát phía nam TQ. Ngày 4-9-1958, Quác Vá Vián TQ ra nghá quyát vá ranh giái bián cáa TQ là 12 hái lý ká tá bá bián, áp đáng cho toàn thá lãnh thá TQ, bao gám các hái đáo, trong đó có cá Hoàng Sa và Tráng Sa. Đá láy lòng TQ, Phám Văn Đáng, thá táng Bác Viát, vái sá đáng ý cáa Há Chí Minh và bá Chính trá đáng Láđ, ký quác thá ngày 14-9-1958, tán thành quyát đánh trên cáa TQ ngày 4-9-1958, nghĩa là mác nhiên tháa nhán hai quán đáo Hoàng Sa và Tráng Sa thuác Trung Quác.

Cán chú ý thêm TQ đã thá nghiám thành công quá bom nguyên tá đáu tiên ngày 16-10-1964, phóng háa tián nguyên tá đáu tiên ngày 25-10-1966 và thá nghiám quá bom khinh khí đáu tiên ngày 14-6-1967.(17) Sá thành công náy làm tăng giá trá vá thá cáa TQ trong bang giao quác tá.

Tr  c đ y, ch   c  Li n X   l  n  c c ng s n duy nh t th  đ c bom nguy n t , c  th  đ i tr ng v i Hoa K . Nay Trung Qu c c ng c  bom nguy n t  n n c ng l m cho B c Vi t tin t  ng th m h n trong cu c đ i đ u v i Hoa K . M i bang giao Li n X  -Trung Qu c r n n t t  khi Nikita Khrushchev ch  tr  ng “s ng chung h a b nh” gi a c c n  c kh ng c ng ch  đ  ch nh tr . Nay c  bom nguy n t , TQ c ng t  ra khi u kh ch đ i v i Li n X  . Ri ng Hoa K , sau khi TQ n m đ  c bom nguy n t , Hoa K  c ng ph i t nh to n l i s ch l  c bang giao đ i v i Trung Qu c, t o nhi u h  l y trong chi n tranh Vi t Nam.

Trong khi đ , v o đ u th ng 8-1964 x y ra bi n c  V nh B c Vi t. Qu c h i Hoa K  li n đ a ra “Quy t ngh  v nh B c Vi t” (Gulf of Tonkin Resolution) ng y 7-8-1964, cho ph p t ng th ng Hoa K  thi h nh c c bi n ph p c n thi t, k  c  vi c d ng v  l c, đ  đ i ph  v i t nh h nh t i Đ ng Nam  . Trung Qu c t  ra quan ng i, cho r ng ch ng nh ng Hoa K  t n c ng B c Vi t m  Hoa K  s  c  th  gi p Trung Hoa D n Qu c (Đ i Loan) đ  b  l c đ a Trung Qu c. M t m t, Trung Qu c t i b  tr  l c l  ng n i đ a đ  ph ng th , m t m t Trung Qu c t ng c  ng gi p đ  VNDCCH nh m ch ng l i Hoa K . (18)

C c l nh t  B c Vi t l  H  Ch  Minh, L  Du n, V n Ti n D ng li n t c qua Trung Qu c h i h p v  th  ng l  ng v i c c l nh t  Trung Qu c. Ngo i vi c g i qu n vi n, t  th ng 6-1965 đ n th ng 3-1968, Trung Qu c g i sang B c Vi t Nam 320,000 qu n, tr  đ ng   c c t nh v  th nh ph  ph a b c H  N i, đ u khi n c c s ng ph ng kh ng, s a ch a đ  ng s , c u c ng, đ  ng xe l a, x y đ ng c c h ng x  ng, b o v  c c t nh ph a b c nh m gi p B c Vi t k o h t qu n xu ng t n c ng mi n Nam. Khi Trung Qu c r t qu n v  n  c v o th ng 8-1973 (7 th ng sau hi p đ nh Paris), t ng s  l nh Trung Qu c thi t m ng t i Vi t Nam l  1,100 ng  i v  b  th  ng l  4,200 ng  i.(19)

Cu i n m 1966, C ng H a Nh n D n Tri u Ti n (B c H n) g i hai trung đ o n ph o binh ph ng kh ng v  hai phi đ i sang B c Vi t Nam gi p b o v  H  N i. Kim Nh t Th nh đ  n i v i c c phi c ng B c H n l  h y ch n đ u tr n b u tr i B c Vi t gi ng nh  t i Tri u Ti n. Khi r t v  v o 1972, B c H n đ  l i kho ng v i ch c qu n nh n b  gi t trong c c cu c đ i bom c a phi c  Hoa K .(20)

Ngo i ra, Cuba, m t n  c   Trung M  theo c ng s n, c ng g i ng  i đ n gi p B c Vi t, qua h nh th c d n s  thu c T a đ i s  Cuba   H  N i. Đ  l  nh ng chuy n vi n ph  tr ch khai th c t  binh Hoa K  b  B c Vi t b t đ  c. Đ a s  qu n nh n Hoa K  b  b t l  phi c ng. Theo l i k  c a nh ng t  binh Hoa K  c n s ng s t v  tr  v  Hoa K  sau hi p đ nh Paris n m 1973, c c chuy n vi n Cuba tr n m t c ch t n nh n v  c  khi đ nh đ p đ n ch t m t s  t  binh Hoa K .(21)

Kát luán

Sau khi đất nước bị chia hai, miền Nam Việt Nam muốn sống yên ổn, hòa bình để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống. Ban Việt Nam khuyến khích và thúc đẩy công việc cho rằng miền Nam Việt Nam không thi hành việc thành lập công ty theo hiệp định Genève (20-7-1954). Lý do này hoàn toàn không hợp lý vì hiệp định Genève chỉ là một hiệp ước đình chiến chứ không nói gì đến giới pháp chính trị. Việc duy trì tính thành lập công ty theo hiệp định này là một sự cản trở trong điều 7 của “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”. Bản tuyên bố này lại không có chữ ký của các nước tham dự hội nghị nên không có giá trị ràng buộc.

Quân đội các nước cộng sản kín đáo để giúp Ban Việt Nam, để các ngành trang bị hình thức chuyên viên kỹ thuật dân sự. Truy cập thông tin Ban Việt hoàn toàn do nhà nước kiểm soát, nên không đưa tin về việc này. Ban Việt báo cáo tin tức rất kỹ, thông tin hoàn toàn không hay biết về sự hiện diện của quân đội các nước cộng sản tại Ban Việt.

Trong khi đó, Hoa Kỳ cùng đồng minh công khai đưa quân vào miền Nam Việt Nam. Công sản Ban Việt lại dùng sự hiện diện công khai của quân nhân nước ngoài tại miền Nam Việt Nam để tuyên truyền chống VNCH và chống “độc quyền xâm lược Mỹ”, chống lại trong dân chúng Việt Nam cả hai miền Bắc và Nam Việt Nam, mà không nhắc đến lòng thiện chí.

Quân đội Hoa Kỳ và đồng minh vào miền Nam Việt Nam khá nhanh từ năm 1965 và cũng rút nhanh vào thập niên 70. Tuy vậy, quân đội VNCH vẫn mất mình chiến đấu bảo vệ miền Nam Việt Nam, và chịu nhiều tổn thất vì thiếu vũ khí do Hoa Kỳ cắt quân viện, trong khi Ban Việt Nam được toàn quyền công sản này mà không mất một viên đạn cho đến khi thành công năm 1975. (Trích Việt sử địa phương tập 6.)

© Trán Gia Pháng

Chú thích:

1. Sau thế chiến thứ hai, thế giới chia thành hai khối rõ rệt. Khối tập đoàn do Hoa Kỳ đứng đầu và khối cộng sản do Liên Xô lãnh đạo. Hoa Kỳ thành công bom nguyên tử lần đầu tiên ngày 16-7-1945, và đã dùng bom nguyên tử thả xuống hai thành phố Nhật Bản là Hiroshima (6-8-1945) và Nagasaki (9-8-1945), kết thúc thế chiến thứ hai. Liên Xô thành công bom nguyên tử đầu tiên ngày 29-8-1949. Vì cùng thế lực vũ khí nguyên tử, hai nước Hoa Kỳ và Liên Xô, tuy tranh chấp nhau quyền lợi, nhưng tránh trực tiếp đứng đầu nhau. Tình trạng này gọi là chiến tranh lạnh. Trong chiến tranh lạnh, Liên Xô và khối cộng sản đưa vào chiến bài giới phóng dân tộc để tuyên truyền và bành trướng thế lực. Hoa Kỳ và khối tập đoàn cho rằng khi mặt nước cộng sản chiến thắng, thì các nước lân bang dần dần sẽ bị mất vào tay cộng sản, nghĩa là mất quân cờ domino sụp đổ, thì các quân cờ domino khác cũng sụp theo. Đó là nguyên gốc thuyết domino tức các nước Tây phương, nhất là Hoa Kỳ. Vì nguyên thuyết đưa lý chính trị này, Hoa Kỳ can thiệp vào các nước Đông Nam Á, hậu quả ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản.

2. Wikipedia, The free encyclopedia, “Military Assistance Advisory Group”.

3. Lâm Vĩnh Thọ trích dịch, Bách hóa tài liệu mặt trận Hoa Kỳ về Việt Nam Cộng Hòa, Hamilton, Ontario: Hoài Việt, 2008, tr. 162-166. Đọc thêm: William Westmoreland, A Soldier’s Report, Duy Nguyễn dịch, Hội ký cựu chiến tử vong Westmoreland, San Jose: Nxb. Thế Giới, 1996, chương VII, “Quyết định khó khăn nhất”, tr. 171-206.

4. Làng Nam Ô nằm ven vịnh Đà Nẵng, dân đưa phẫn nộ gọi là Vũng Thùng. Trước đó hơn 100 năm, người TQLC Pháp đầu tiên cũng đã đặt bẫy Vũng Thùng năm 1856. Ca dao Quảng Nam có câu: “Tai nghe súng nổ cái đùng/ Tàu Tây đã đến Vũng Thùng hôm qua.” Làng Nam Ô thuộc huyện Hòa Vang, tiếp giáp với Liên Chiểu, ngay đầu chân phía nam đèo Hoi Vân.

5. Đoàn Thêm, Việt chiến ngày 1965, Việt chiến ngày 1966, Việt chiến ngày 1967, California: Nxb. Xuân Thu tái bản, mặt cuối mỗi sách: “Quân số Hoa Kỳ”.

6. Wikipedia, The Free Encyclopedia, “Việt nam War”, mặt “Strenght”.(< <http://en.wikipedia.org> >)

7. Wikipedia, the Free Encyclopedia, “Vietnam War” “Casualties” [Thiệt hại vong trong chiến tranh Việt Nam]. (http://en.wikipedia.org/wiki/Vietnam_War_casualties)

8. Trung tâm nghiên cứu Stanley Robert Larson và Thiáu trung tâm nghiên cứu James Lawton Collins, Jr., Allied Participation in Vietnam, Washington D.C.: Department of Army, 1985, tr. 23.

9. Australian War Memorial, "Vietnam War 1962-1975".(< <http://www.awm.au> >)

10. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sßd. tr. 23.

11. Wikipedia, The Free Encyclopedia, "New Zealand in the Vietnam War".

12. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sßd, cháng: "The Republic of Korea", tt. 120-156; và Wikipedia, The free encyclopedia, "Vietnam War Casualties".

13. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sßd, tt.. 23, 51 (13a), 23, 63 (13b).

14. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sßd. tr. 23.

15. Mark Moyar, Triumph Forsaken, The Vietnam War, 1954-1965, New York: Cambridge University Press, 2006, tr. 83.

16. <http://www.russiatoday.ru/news/news/21019> "USSR 'secret' Vietnam soldiers speak out", 16-2-2008. Xem thêm: Bán tin đài RFA (Radio Free Asia) ngày 20-2-2008. RFA còn pháng ván nhà báo Bùi Tín, cáu đái tá Bá đái cáng sán Bác Viát. Ngoài ra, tham kháo thêm BBC Vietnamese ngày 19-11-2008.

17. Google: "China Nuclear Forces".(Trích ngày 4-6-2008.)

18. Lorenz Luthi, "The Vietnam War and Chinas Third-Line Defense Planning before the Cultural Revolution, 1964-1966" < http://viet-studies.info/kinhte/VN_War_China_Third_Line_Defense.pdf > Journal of Cold War Studies, Vol. 10, No. 1,

Winter 2008, pp. 26-51, b n d ch c a Tr n Qu c Tân, Chi n tranh Vi t Nam và k ho ch phòng tuy n ba c a Trung Qu c tr c Cách m ng Văn hóa, 1964-1966, (Ngu n: T p chí Th i Đ i M i, s 13, tháng 03-2008. (tapchithoidai.org/ThoiDai13/2008).

19. Qiang Zhai, China & Vietnam Wars, 1950-1975, The University of North Carolina Press, 2000, tr. 135.

20. Wikipedia, The Free Encyclopedia, "Koreans in Vietnam", "Vietnam War casualties", và BBC NEWS (Anh ng) các ngày 31-3-2000, 7-7-2001, và 12-7-2001.

21. <http://www2.fiu.edu/~fcf/warcrimes.cuba.vietnam.html> . "War Crimes: The Cuban-Vietnam Connection", 20-2-1997. <http://we>

[bcache.googleusercontent.com/](http://we.bcache.googleusercontent.com/)

"Cuban Torturers in Viet Nam-Eye-Witness Report, 12-Apr-2004".